

Bản án số: 18/2022/DS - ST
Ngày: 31 - 3 -2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST – DS, ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn L), sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 13, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 20, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 13, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của chị G: Anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn L), sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 13, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021); “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn L) trình bày:

Do có quan hệ làm ăn với nhau nên vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) và chị Lê Thị G đã nhiều lần cho vợ chồng ông Phạm Văn B,

bà Nguyễn Thị H vay tiền để làm ăn, cụ thể: Ngày 06/9/2013, vợ chồng anh N cho vợ chồng ông B vay số tiền 300.000.000 đồng để vợ chồng ông B đặt cọc mua gỗ, đôi bên giao dịch bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng, anh N đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản 3207205114402 của ông Phạm Văn B mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hải Hậu. Ngày 01/11/2013 ông B đến nhà anh N và tiếp tục vay của vợ chồng anh N số tiền 700.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng anh N cho vợ chồng ông B vay số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng). Ông B đã viết và ký giấy xác nhận ngày 01/11/2013 số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng), không ghi thời hạn vay, lãi suất vay, thời hạn trả mà chỉ thống nhất bằng lời nói là khi nào vợ chồng anh N cần thì vợ chồng ông B phải trả, lãi suất theo thỏa thuận. Sau khi lập giấy xác nhận vay số tiền trên, ông B đưa giấy biên nhận nợ gốc và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Tăng (mẹ anh B) cho anh N để làm tin. Cuối năm 2013 vợ chồng anh N cần tiền nên yêu cầu vợ chồng ông B trả tiền thì ngày 19/12/2013 vợ chồng ông B trả cho anh N 100.000.000 đồng và viết số tiền trả nợ vào giấy vay nợ gốc, còn lại 900.000.000 đồng khát nợ lại. Sau đó anh N đã rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả tiền nhưng vợ chồng ông B đều cố tình không trả. Năm 2015 khi anh N đến nhà yêu cầu trả nợ, ông B không trả mà còn chửi bới, xúc phạm anh N nên anh N đã làm đơn tố cáo ông B đến cơ quan Công an huyện Hải Hậu giải quyết. Khi làm việc tại cơ quan công an, cơ quan công an giải thích cho anh là sự việc dân sự và ông B nhận trách nhiệm sẽ trả số tiền nợ còn thiếu cho anh N nên anh N đã rút đơn tố cáo. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng ông B, bà H vẫn không trả nợ cho vợ chồng anh N khoản tiền nào. Do anh N không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông B vay tiền của anh về chi tiêu việc gia đình có liên quan đến bà H do đó anh đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn B phải trả anh số tiền 900.000.000 đ (chín trăm triệu đồng) còn nợ, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2022, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông Phạm Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm), không đồng ý việc anh N yêu cầu vợ chồng ông B trả nợ số tiền còn nợ lại là 900.000.000 đồng vì ông B đã trả hết số tiền vay cho anh N (Lâm) trong giấy biên nhận nợ anh N nộp cho Tòa án. Tuy nhiên khi trả tiền cho anh N, ông B không lấy lại giấy vay tiền gốc mà ông đã viết đưa cho anh N giữ. Khoảng năm 2014, anh N nói ông B mượn sổ đỏ của người khác để thuê tiền trả nợ cho anh N. Ông B nói có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông B thì anh N nói đưa bản gốc giấy chứng nhận này để anh N làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông B sau đó đi vay tiền Ngân hàng trả nợ cho anh N. Do đó bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Phạm Thị Tăng mà anh N nộp cho Tòa án không còn giá trị vì thửa đất ghi trong giấy chứng nhận này đã sang tên cho vợ chồng ông B từ năm 2014. Khoảng tháng 7 năm 2015, anh N có đơn tố cáo ông B đến Công an huyện Hải Hậu nhưng Công an huyện không giải quyết vì ông B đã trả hết nợ cho anh N. Khoản tiền vay của anh N là do mình ông B vay, không liên quan đến vợ là bà Trần Thị

H. Nay ông Phạm Văn B khẳng định không còn nợ anh N khoản tiền nào nên không đồng ý trả nợ cho anh N.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2022 bà Trần Thị H vợ ông Phạm Văn B trình bày:

Bà Trần Thị H không biết việc chồng chị là ông Phạm Văn B vay mượn tiền của anh Nguyễn Ngọc N, vì vậy bà H khẳng định không liên quan trong vụ việc này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Căn cứ vào Điều 70; Điều 71 BLTTDS Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) và người có quyền lợi, N vụ liên quan là chị Lê Thị G đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn là ông Phạm Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt ông B.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) đối với ông Phạm Văn B. Buộc ông Phạm Văn B phải có trách nhiệm trả nợ chồng anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) chị Lê Thị G số tiền nợ 900.000.000đ(chín trăm triệu đồng). Án phí dân sơ sơ thẩm ông Phạm Văn B phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa: Người có quyền lợi N vụ liên quan là chị Lê Thị G vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm). Bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi N vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và luật áp dụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là quan hệ về Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn được xác lập trước ngày 01/01/2017(ngày có Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên về nguyên tắc áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xét xử. Tuy nhiên, theo Bộ luật Dân sự 2015 thì nội dung và hình thức của các giao dịch này phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự 2005. Vì đương sự không có ý kiến đề nghị áp dụng thời hiệu, các bên đương sự cho nhau vay không xác định thời hạn nên theo quy định khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, áp dụng quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về hợp đồng vay tiền: Theo lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) thì vợ chồng anh có cho vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Trần Thị H vay tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Theo lời trình bày

của bị đơn ông Phạm Văn B thừa nhận chỉ mình anh B vay tiền của anh N và đã trả hết cho anh N tuy nhiên không lấy lại giấy ghi nhận nợ. Theo lời trình bày của chị Trần Thị H thì chị không vay tiền của vợ chồng anh N, không liên quan đến việc anh B vay mượn tiền của anh N. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có giấy xác nhận vay nợ đề ngày 01/11/2013 do ông Phạm Văn B viết tay và ký với nội dung: anh B vay của anh Lâm (tức N) số tiền 1.000.000.000đồng, không ghi thời hạn vay, lãi suất vay. Như vậy có căn cứ khẳng định việc ông Phạm Văn B có vay của vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) số tiền 1.000.000.000đồng là đúng. Đây là giao dịch vay tài sản không xác định thời hạn, không ghi lãi suất theo quy định tại Điều 471, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015).

[4] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[4.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khai nhận do quan hệ quen biết nên đã cho vợ chồng anh B, chị H vay nợ nhiều lần, đến nay số tiền nợ gốc còn nợ lại là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận vay tiền ghi: Ngày 01/11/2013 anh Phạm Văn B có vay của chú Lâm xóm 13 xã A là 1.000.000.000đ ký tên B, Phạm Văn B. Ngày 19/12/2013 ông B trả cô G vào nhà lấy 100.000.000đ. Giấy biên nhận vay tiền đều có chữ ký ghi tên người vay là Phạm Văn B. Bị đơn ông Phạm Văn B có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không nhất trí trả nợ vì đã trả xong số tiền còn nợ lại vợ chồng anh N nhưng quên không lấy lại giấy ghi nhận vay tiền gốc đưa cho anh N (Lâm) giữ và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, sau khi có ý kiến tại Tòa thì mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án lịch làm việc công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4.2]. Về trách nhiệm trả nợ: Theo các giấy biên nhận vay tiền do anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền là ông Phạm Văn B đã vay tiền của anh Lâm (N) số tiền 1000.000.000 đồng. Phần ký nhận người vay là Phạm Văn B. Phía nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) trong đơn khởi kiện chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả nợ khoản vay. Như vậy có cơ sở xác định giữa vợ chồng anh N, chị G và ông B đã có giao dịch vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai ông Phạm Văn B mới trả nợ được 100.000.000đ, còn nợ lại đã đòi nợ nhiều lần 900.000.000đ không trả nợ và cố tình trốn tránh, không liên lạc với nguyên đơn để giải quyết việc vay nợ. Vì vậy cần buộc ông Phạm Văn B có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 900.000.000đ đồng cho vợ chồng anh N, chị G là có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã nhiều lần triệu tập ông B đến Tòa án làm việc để làm sáng tỏ vụ việc nhưng ông B chỉ đến trình bày bản tự khai cho rằng đã trả nợ xong cho vợ chồng anh N và tại Công an

huyện Hải Hậu hai bên đã giải quyết với nhau xong không còn nợ nần gì nữa, sau đó không đến làm việc và không có lý do. Tại công văn số 39/CV-CAH, ngày 21/02/2022 trả lời công văn của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xác minh lời khai của ông B, Công an huyện Hải Hậu đã khẳng định năm 2015 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Hải Hậu có nhận được đơn tố cáo của công dân Nguyễn Ngọc N, qua làm việc ban đầu với hai đương sự vụ việc xác định không có dấu hiệu tội phạm, là vay mượn dân sự. Cơ quan CSĐT không tiến hành thụ lý và hướng dẫn công dân Nguyễn Ngọc N làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu không lưu tài liệu có liên quan.

[4.3] Từ những phân tích đánh giá nêu trên, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, buộc ông Phạm Văn B phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) và chị Lê Thị G số tiền 900.000.000đồng.

[4.4] Về lãi suất do anh Nguyễn Ngọc N (tức Nguyễn Văn Lâm) không yêu cầu ông Phạm Văn B trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về lãi suất.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông Phạm Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 và 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) đối với ông Phạm Văn B.

Buộc ông Phạm Văn B phải trả vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm), chị Lê Thị G số tiền nợ 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Về N vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Ông Phạm Văn B phải nộp số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm) được nhận lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006016 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc N (Nguyễn Văn Lâm), người có quyền lợi N vụ liên quan chị Lê Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Phạm Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng